

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-35
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10-35



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 24/06/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, đường Nguyễn Văn Thù, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Trần Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Trường Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hải Nguyên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Giám đốc điều hành

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 07/03/2025
Bà Trần Thị Ngọc Đào	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/03/2025
Ông Dương Quang Thoại	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/03/2025

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trường Nam	Chủ tịch UBKT	Bổ nhiệm ngày 20/03/2025
Ông Nguyễn Hải Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/03/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là ông Nguyễn Hoàng Anh - Tổng Giám đốc và ông Nguyễn Hoàng Dũng - Chủ tịch HĐQT.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 18 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Diễm

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		600.939.432.185	597.576.672.368
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	144.513.330.817	222.129.377.723
111	1. Tiền		51.898.387.353	122.530.637.996
112	2. Các khoản tương đương tiền		92.614.943.464	99.598.739.727
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	205.784.368.563	123.622.252.922
121	1. Chứng khoán kinh doanh		182.041.778.315	100.443.510.872
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		23.742.590.248	23.178.742.050
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		173.972.897.500	178.206.386.915
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	145.275.817.993	139.740.743.758
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	2.625.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	28.697.079.507	38.463.018.157
140	IV. Hàng tồn kho	7	45.182.494.919	45.520.513.988
141	1. Hàng tồn kho		45.182.494.919	45.520.513.988
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		31.486.340.386	28.098.140.820
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.200.000.000	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.286.340.386	28.098.140.820
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		298.591.400.731	300.765.073.103
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.462.473.600	1.462.473.600
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	6.462.473.600	1.462.473.600
220	II. Tài sản cố định		43.853.503.057	49.404.492.971
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	41.587.179.451	47.128.327.697
222	- Nguyên giá		210.014.902.750	220.093.669.740
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(168.427.723.299)	(172.965.342.043)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	2.266.323.606	2.276.165.274
228	- Nguyên giá		4.542.745.000	4.542.745.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.276.421.394)	(2.266.579.726)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	245.829.721.848	246.944.721.848
251	1. Đầu tư vào công ty con		72.473.650.000	72.473.650.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		172.379.124.000	173.359.124.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.087.000.000	2.087.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.110.052.152)	(975.052.152)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.445.702.226	2.953.384.684
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.445.702.226	2.953.384.684
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>899.530.832.916</u>	<u>898.341.745.471</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thù,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		138.491.949.612	160.699.341.045
310	I. Nợ ngắn hạn		138.400.789.612	160.608.181.045
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	115.883.775.008	139.682.576.992
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	8.763.564.001	6.032.156.621
314	3. Phải trả người lao động		267.174.727	2.867.853.800
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	13	2.852.445.909	2.349.554.329
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.633.829.967	9.676.039.303
330	II. Nợ dài hạn		91.160.000	91.160.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	91.160.000	91.160.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		761.038.883.304	737.642.404.426
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	761.038.883.304	737.642.404.426
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		248.870.460.000	248.870.460.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		248.870.460.000	248.870.460.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.882.847.992	26.882.847.992
415	3. Cổ phiếu quỹ		(17.300.120.000)	(17.300.120.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		110.518.739.557	102.680.239.789
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		290.938.086.507	290.938.086.507
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		101.128.869.248	85.570.890.138
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.066.772.440	14.257.157.325
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		72.062.096.808	71.313.732.813
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		899.530.832.916	898.341.745.471


 Nguyễn Thị Duyên Thắm
 Người lập


 Đặng Thị Thúy Hằng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hoàng Anh
 Tổng Giám đốc


Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	514.968.184.270	478.104.774.575
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		514.968.184.270	478.104.774.575
11	4. Giá vốn hàng bán	17	427.876.788.888	407.970.301.530
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		87.091.395.382	70.134.473.045
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	41.102.879.226	18.837.867.162
22	7. Chi phí tài chính	19	432.723.177	(806.029.471)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	36.258.423.237	32.769.009.212
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	8.575.863.727	12.130.851.258
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		82.927.264.467	44.878.509.208
31	11. Thu nhập khác		-	496.941.991
32	12. Chi phí khác	22	167.997.768	4.588.219
40	13. Lợi nhuận khác		(167.997.768)	492.353.772
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.759.266.699	45.370.862.980
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	10.697.169.891	7.354.374.663
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		72.062.096.808	38.016.488.317

Nguyễn Thị Duyên Thắm
Người lập

Đặng Thị Thúy Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thù,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		82.759.266.699	45.370.862.980
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.236.758.308	7.690.418.218
03	- Các khoản dự phòng		135.000.000	(960.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(224.449.425)	(1.577.327.766)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(33.982.193.950)	(10.041.298.708)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		178.355.051	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước		54.102.736.683	40.482.654.724
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.154.818.812)	(13.983.726.315)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		338.019.069	(1.138.076.171)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(26.195.324.224)	(3.920.567.259)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(692.317.542)	(48.094.447)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(81.598.267.443)	8.040.042.099
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.856.509.215)	(9.540.209.886)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.393.759.266)	(1.217.167.377)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(66.450.240.750)	18.674.855.368
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(2.774.848.080)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		162.962.962	345.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(22.823.742.631)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	21.937.326.847
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(10.907.350.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		980.000.000	12.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.769.723.057	10.921.639.672
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		34.912.686.019	8.698.480.353
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	10.710.000.000
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(46.302.941.600)	(46.204.491.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(46.302.941.600)	(35.494.491.200)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(77.840.496.331)	(8.121.155.479)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		222.129.377.723	201.462.273.201
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		224.449.425	1.577.327.766
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	144.513.330.817	194.918.445.488

Nguyễn Thị Duyên Thắm
Người lập

Đặng Thị Thúy Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 24/06/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 248.870.460.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 248.870.460.000 VND; tương đương 24.887.046 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 356 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 360 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải và đại lý vận tải.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý vận tải; Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa; Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa; Đại lý tàu biển; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển; Hoạt động của các đại lý vé máy bay;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới hàng hải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh). Vận tải đa phương thức quốc tế.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong 6 tháng năm 2025, sự phục hồi và tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu đã làm tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics và vận tải biển, vận tải hàng không và dịch vụ đại lý hãng tàu. Do đó, doanh thu của Công ty tăng 7,71% và lợi nhuận gộp tăng 24,18% so với năm ngoái. Ngoài ra, trong kỳ, công ty ghi nhận khoản cổ tức và lợi nhuận từ các khoản đầu tư cao hơn kỳ trước, qua đó dẫn đến doanh thu tài chính tăng 118,19% so với cùng kỳ năm ngoái.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Bình Định

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Địa chỉ

Số 1, đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh

Phòng 538 tầng 5, tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Tầng 7, tòa nhà 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

Lô 39, đường số 2, Khu Công Nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

201-203 đường Lê Đức Thọ, Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

30B Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của khoản đầu tư; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại dịch vụ chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 3 tháng đến 36 tháng

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	388.996.089	319.063.101
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.509.391.264	122.211.574.895
Các khoản tương đương tiền (*)	92.614.943.464	99.598.739.727
	<u>144.513.330.817</u>	<u>222.129.377.723</u>

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng gửi tại các công ty chứng khoán với lãi suất từ 4,0%/năm đến 5,6%/năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 30/06/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị 23.742.590.248 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,9%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Chung khoản kinh doanh	30/06/2025		Dự phòng VND	01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị trái phiếu	182.041.778.315	5.294.206.622	-	100.443.510.872	31.980.952.073
Trái phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast (**)	2.129.954.220			61.673.744.615	
Trái phiếu Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (**)	59.833.903.067			6.908.183.679	
Trái phiếu Công ty Cổ phần Vinhomes (**)	94.928.962.075		-	31.861.582.578	31.980.952.073
Công ty cổ phần Vincom Retail (*)	3.425.283.773	3.449.835.053	-		
Trái phiếu Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (**)	9.512.133.050		-		
Công Ty Cổ Phần Tiếp Vận Và Bảo Động Sản Tân Liên Phát Tân Cảng	10.416.267.650				
Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	1.795.274.480	1.844.371.569			
	182.041.778.315	5.294.206.622	-	100.443.510.872	31.980.952.073

ĐẠI HỘI LẦN LỘ CẦN CHỌN LỰA ĐINH THEO GIÁ ĐÓNG CỦA CÁC TRẠI PHIẾU NÀY TRÊN SẢN HOSE TẠI NGÀY 31/12/2024 VÀ 30/06/2025.

(*) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá công của các tài sản này trên sàn HOSE và ngày 31/12/2022.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dư phòng VND
Đầu tư vào Công ty con						
- Công ty TNHH Đại Lý Vận Tải COSFI ⁽¹⁾	72.473.650.000	-	-	72.473.650.000	-	-
- Công ty TNHH Đại Lý Vận Tải COSFI ⁽¹⁾	12.473.650.000	-	-	12.473.650.000	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi ⁽²⁾	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết						
- Công ty TNHH SITC Việt Nam ⁽³⁾	172.379.124.000	-	(975.052.152)	173.359.124.000	-	(975.052.152)
- Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) ⁽⁴⁾	3.628.344.000	-	-	3.628.344.000	-	-
- Công ty TNHH Minh Toàn - Safi ⁽⁵⁾	4.350.780.000	-	(975.052.152)	4.350.780.000	-	(975.052.152)
- Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng ⁽⁶⁾	164.400.000.000	-	-	164.400.000.000	-	-
- Công ty TNHH New SITC Containers Lines Việt Nam ⁽⁷⁾	-	-	-	980.000.000	-	-
- Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics ⁽⁸⁾	2.087.000.000	1.365.000.000	(135.000.000)	2.087.000.000	1.680.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG) ^(*)	1.500.000.000	1.365.000.000	(135.000.000)	1.500.000.000	1.680.000.000	-
- Công ty TNHH New SITC Containers Lines Việt Nam ⁽⁷⁾	467.000.000	-	-	467.000.000	-	-
- Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics ⁽⁸⁾	120.000.000	-	-	120.000.000	-	-
	246.939.774.000	1.365.000.000	(1.110.052.152)	247.919.774.000	1.680.000.000	(975.052.152)

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG) được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn UPCOM tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thù,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đại Lý Vận Tải COSFI ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi ⁽²⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312441747 thay đổi lần thứ 6 ngày 02/07/2024 vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi là 2,27 tỷ VND. Vốn thực góp của Công ty đến thời điểm 30/06/2025 là 2,27 tỷ VND.

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312971945 vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI là 60 tỷ VND do Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi góp toàn bộ. Vốn thực góp của Công ty đến thời điểm 30/06/2025 là 60 tỷ VND.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SITC Việt Nam ⁽³⁾	Thành phố Hải Phòng	51,00%	50,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) ⁽⁴⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh
Công ty TNHH Minh Toàn - Safi ⁽⁵⁾	Thành phố Đà Nẵng	50,00%	50,00%	Dịch vụ lưu trú

(3) Công ty TNHH SITC Việt Nam (SITC Việt Nam) đã hết hạn liên doanh và đã làm thủ tục gia hạn liên doanh. Tuy nhiên, sau khi gia hạn liên doanh Công ty không còn kiểm soát hoạt động kinh doanh của SITC Việt Nam nên Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào SITC Việt Nam là khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

(4) Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ, Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (tên cũ là Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)) là 600.000 USD, trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Cũng theo hợp đồng liên doanh thì Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh vào ngày 05/09/2014. Đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đang thực hiện các thủ tục để giải thể. Việc thanh lý khoản đầu tư sẽ thực hiện khi hoàn tất thủ tục giải thể, do đó việc ghi giảm giá gốc khoản đầu tư và các chi phí liên quan đến thanh lý cũng như tài sản được phân chia (nếu có) sẽ được ghi nhận tại thời điểm đó.

(5) Tại ngày 30/06/2025, vốn điều lệ của Công ty TNHH Minh Toàn - Safi là 328.800.000.000 VND, trong đó vốn góp của Công ty là 164,4 tỷ VND, chiếm 50% vốn điều lệ; Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Toàn góp 164,4 tỷ VND.

(6) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch bán lại toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng cho các nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 980.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Cổ phần nắm giữ hoặc tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG)	Thành phố Hà Nội	150.000 cổ phần	Dịch vụ vận tải
Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam ⁽⁷⁾	Thành phố Hải Phòng	20,00%	Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa
Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics ⁽⁸⁾	Thành phố Hải Phòng	1,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

(7), (8): Theo nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 08-2019/NQ-HDQT ngày 16/09/2019, Công ty đã góp vốn thành lập các công ty: Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam và Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics với số vốn điều lệ lần lượt là 2.335.000.000 VND và 12.000.000.000 VND. Riêng đối với Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam, tỷ lệ lợi ích của công ty là 20% nhưng do Công ty không tham gia điều hành nên khoản đầu tư này được phân loại là các khoản đầu tư dài hạn khác.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo loại hình dịch vụ				
Phải thu các hãng tàu	6.701.834.919	-	7.483.714.006	-
Phải thu khách hàng giao nhận	72.928.922.574	-	70.423.318.288	-
Phải thu khách hàng đường biển và đường không	62.964.479.413	-	59.153.130.377	-
Đối tượng khác	2.680.581.087	-	2.680.581.087	-
	145.275.817.993	-	139.740.743.758	-
b) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
<i>Bên liên quan</i>	<i>108.605.336</i>	-	-	-
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Cosfi	108.605.336	-	-	-
<i>Bên khác</i>	<i>145.167.212.657</i>	-	<i>139.740.743.758</i>	-
Donghong Logistics (Singapore) Pte.Ltd	17.504.976.103	-	24.917.250.516	-
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Trường Giang	10.847.483.404	-	8.676.069.105	-
Các đối tượng khác	116.814.753.150	-	106.147.424.137	-
	145.275.817.993	-	139.740.743.758	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

6 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.308.531.091	-	1.082.520.150	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	107.269.344	-	108.997.344	-
Tạm ứng	18.721.426.000	-	24.966.701.554	-
Ký cược, ký quỹ	4.246.514.368	-	10.575.187.622	-
Phải thu khác	4.313.338.704	-	1.729.611.487	-
	<u>28.697.079.507</u>	<u>-</u>	<u>38.463.018.157</u>	<u>-</u>
a2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan				
Ông Nguyễn Hoàng Anh	6.500.000.000	-	-	-
Bên khác	22.197.079.507	-	38.463.018.157	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hal Nguyễn Minh	-	-	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	22.197.079.507	-	33.463.018.157	-
	<u>28.697.079.507</u>	<u>-</u>	<u>38.463.018.157</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký quỹ tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hal Nguyễn Minh	5.000.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ khác	1.462.473.600	-	1.462.473.600	-
	<u>6.462.473.600</u>	<u>-</u>	<u>1.462.473.600</u>	<u>-</u>

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	164.279.972	-	84.038.730	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.494.140.307	-	5.221.223.728	-
Hàng hoá	39.524.074.640	-	40.215.251.530	-
	<u>45.182.494.919</u>	<u>-</u>	<u>45.520.513.988</u>	<u>-</u>

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	52.511.173.037	6.260.768.079	158.716.376.558	2.605.352.066	220.093.669.740
- Mua trong kỳ	-	-	(10.078.766.990)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-			(10.078.766.990)
Số dư cuối kỳ	52.511.173.037	6.260.768.079	148.637.609.568	2.605.352.066	210.014.902.750
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	29.396.843.292	6.202.574.879	134.963.673.575	2.402.250.297	172.965.342.043
- Khấu hao trong kỳ	836.850.948	15.594.168	4.288.023.080	86.448.444	5.226.916.640
- Thanh lý, nhượng bán			(9.764.535.384)		(9.764.535.384)
Số dư cuối kỳ	30.233.694.240	6.218.169.047	129.487.161.271	2.488.698.741	168.427.723.299
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	23.114.329.745	58.193.200	23.752.702.983	203.101.769	47.128.327.697
Tại ngày cuối kỳ	22.277.478.797	42.599.032	19.150.448.297	116.653.325	41.587.179.451

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 115.143.874.196 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Giá trị quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.245.000.000	2.297.745.000	4.542.745.000
Số dư cuối kỳ	<u>2.245.000.000</u>	<u>2.297.745.000</u>	<u>4.542.745.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	2.266.579.726	2.266.579.726
- Khấu hao trong kỳ	-	9.841.668	9.841.668
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>	<u>2.276.421.394</u>	<u>2.276.421.394</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	2.245.000.000	31.165.274	2.276.165.274
Tại ngày cuối kỳ	<u>2.245.000.000</u>	<u>21.323.606</u>	<u>2.266.323.606</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.238.695.000 đồng.

(*) Tại ngày 30/06/2025, quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn là lô đất số 52-53 Lê Đức Thọ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai với diện tích 150 m² và giá trị là 1,845 tỷ VND;+ Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn là căn biệt thự Sealink, Mũi Né với diện tích 400 m² và giá trị là 400 triệu VND.**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê xe	1.200.000.000	-
	<u>1.200.000.000</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất tại Chi nhánh Đà Nẵng	2.391.524.724	2.457.955.968
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	54.177.502	399.428.716
Chi phí trả trước khác	-	96.000.000
	<u>2.445.702.226</u>	<u>2.953.384.684</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thù,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo loại hình dịch vụ				
Phải trả các công ty dịch vụ hàng không	62.753.930.010	62.753.930.010	87.332.005.478	87.332.005.478
Phải trả các công ty dịch vụ đường biển	6.693.684.344	6.693.684.344	6.201.446.620	6.201.446.620
Phải trả các công ty dịch vụ Logistic	37.494.358.151	37.494.358.151	38.853.342.082	38.853.342.082
Phải trả dịch vụ đại lý tàu	349.423.368	349.423.368	386.708.728	386.708.728
Phải trả về mua hàng hóa	3.106.192.949	3.106.192.949	3.106.192.949	3.106.192.949
Phải trả các đối tượng khác	5.486.186.186	5.486.186.186	3.802.881.135	3.802.881.135
	<u>115.883.775.008</u>	<u>115.883.775.008</u>	<u>139.682.576.992</u>	<u>139.682.576.992</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo số dư lớn				
b1) Bên liên quan				
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	4.462.482.283	4.462.482.283	3.237.407.097	3.237.407.097
	4.462.482.283	4.462.482.283	3.237.407.097	3.237.407.097
b2) Bên khác				
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Bầu Trời	111.421.292.725	111.421.292.725	136.445.169.895	136.445.169.895
Văn phòng Bán vé Hãng hàng Không Japan Airlines Co., Ltd	21.779.646.126	21.779.646.126	23.829.671.954	23.829.671.954
Phải trả người bán khác	19.295.262.120	19.295.262.120	22.764.638.160	22.764.638.160
	70.346.384.479	70.346.384.479	89.850.859.781	89.850.859.781
	<u>115.883.775.008</u>	<u>115.883.775.008</u>	<u>139.682.576.992</u>	<u>139.682.576.992</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	82.432.183	586.109.904	584.440.768	-	84.101.319
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.401.155.690	11.053.879.993	7.856.509.215	-	8.598.526.468
Thuế Thu nhập cá nhân	-	548.568.748	2.919.474.441	3.387.106.975	-	80.936.214
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	145.885.428	145.885.428	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	240.591.712	240.591.712	-	-
	-	6.032.156.621	14.945.941.478	12.214.534.098	-	8.763.564.001

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	176.868.822	177.900.824
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	872.012.841	677.012.841
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	239.047.330	227.920.930
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.564.516.916	1.266.719.734
	2.852.445.909	2.349.554.329

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

	91.160.000	91.160.000
	91.160.000	91.160.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI
Số 209, đường Nguyễn Văn Thiệu, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	238.160.460.000	26.882.847.992	(17.300.120.000)	93.092.391.566	251.695.874.966	112.288.129.556	704.819.584.080
Tăng vốn trong kỳ trước	10.710.000.000	-	-	-	-	-	10.710.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	38.016.488.317	38.016.488.317
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	9.587.848.223	39.242.211.541	(98.020.482.231)	(49.190.422.467)
Số dư cuối kỳ trước	248.870.460.000	26.882.847.992	(17.300.120.000)	102.680.239.789	290.938.086.507	52.284.135.642	704.355.649.930
Số dư đầu năm nay	248.870.460.000	26.882.847.992	(17.300.120.000)	102.680.239.789	290.938.086.507	85.570.890.138	737.642.404.426
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	72.062.096.808	72.062.096.808
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	7.838.499.768	-	(56.504.117.698)	(48.665.617.930)
Số dư cuối kỳ này	248.870.460.000	26.882.847.992	(17.300.120.000)	110.518.739.557	290.938.086.507	101.128.869.248	761.038.883.304

Theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/SAFI-2025 ngày 07/03/2025 Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
		VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	85.570.890.138
Trích Quỹ đầu tư phát triển	9,16%	7.838.499.768
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,75%	2.351.549.930
Chi trả cổ tức (tỉ lệ 20%) (*)	54,12%	46.314.068.000
Lợi nhuận chưa phân phối	33,97%	29.066.772.440

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(*) Thông tin về việc chia cổ tức còn lại năm 2024 bằng tiền

- Ngày đăng ký cuối cùng: 23/05/2025;
- Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 1000 đồng);
- Ngày thanh toán: 30/05/2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Nguyễn Hoàng Anh	4,22	10.500.000.000	4,86	12.100.000.000
Samarang Ucits	8,21	20.436.150.000	8,15	20.286.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư NMVT	53,04	132.000.000.000	51,19	127.400.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	6,72	16.720.000.000	6,72	16.720.000.000
Các cổ đông khác	20,86	51.914.190.000	22,13	55.064.190.000
Cổ phiếu quỹ	6,95	17.300.120.000	6,95	17.300.120.000
	100,00	248.870.460.000	100,00	248.870.460.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	248.870.460.000	248.870.460.000
- Vốn góp đầu kỳ	248.870.460.000	238.160.460.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	10.710.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	248.870.460.000	248.870.460.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	227.920.930	216.794.530
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	46.314.068.000	46.314.068.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	46.314.068.000	132.516.204.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(46.302.941.600)	(46.204.491.200)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(46.302.941.600)	(46.204.491.200)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	239.047.330	326.371.330

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.887.046	24.887.046
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	24.887.046	24.887.046
- Cổ phiếu phổ thông	24.887.046	24.887.046
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.730.012	1.730.012
- Cổ phiếu phổ thông	1.730.012	1.730.012
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.157.034	23.157.034
- Cổ phiếu phổ thông	23.157.034	23.157.034
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	110.518.739.557	102.680.239.789
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	290.938.086.507	290.938.086.507
	401.456.826.064	393.618.326.296

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAEISố 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại một số địa điểm để sử dụng với mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 28 đường Đào Trí, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh (*)	10.000 m2	50 năm, từ ngày 18/01/2000 đến ngày 18/01/2050
2	Lô NM6 Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội (*)	4.800 m2	50 năm, từ ngày 20/01/2003 đến ngày 20/01/2053
3	Số 2, Khu Công Nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng (**)	9.488,40 m2	36 năm 4 tháng, từ ngày 11/05/2007 đến ngày 21/09/2043

(*) Đất thuê trả tiền hàng năm

(**) Đất thuê trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.436.347,22	3.717.659,18

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng	891.157.947	1.067.318.324
Doanh thu hoạt động Logistic	283.466.645.266	255.133.910.566
Doanh thu hoạt động Fowarding	228.399.199.452	219.562.397.825
Doanh thu dịch vụ đại lý hãng tàu và các hoạt động khác	2.211.181.605	2.341.147.860
	514.968.184.270	478.104.774.575

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	691.176.890	865.036.800
Giá vốn hoạt động Logistic	228.173.844.779	212.270.419.492
Giá vốn hoạt động Fowarding	198.654.860.853	194.463.952.772
Giá vốn dịch vụ đại lý hãng tàu và các hoạt động khác	356.906.366	370.892.466
	427.876.788.888	407.970.301.530

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thù,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.655.051.402	2.839.793.427
Lãi do bán các khoản đầu tư chứng khoán	2.930.398.866	2.285.222.843
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.478.411.192	6.856.050.736
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.814.568.341	5.279.472.390
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	224.449.425	1.577.327.766
	41.102.879.226	18.837.867.162

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	297.723.177	146.966.632
Hoàn nhập dự phòng/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	135.000.000	(960.000.000)
Chi phí tài chính khác	-	7.003.897
	432.723.177	(806.029.471)

20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	27.797.931.515	23.947.244.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.025.329.266	1.132.202.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.730.394.008	6.093.586.162
Chi phí khác bằng tiền	1.704.768.448	1.595.975.497
	36.258.423.237	32.769.009.212

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.622.325.803	3.621.709.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	609.260.954	2.021.669.181
Thuế, phí, lệ phí	408.495.711	100.856.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.244.573.590	5.621.690.925
Chi phí khác bằng tiền	691.207.669	764.924.936
	8.575.863.727	12.130.851.258

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thù,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

22 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	151.268.644	-
Chi phí khác	16.729.124	4.588.219
	167.997.768	4.588.219

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.759.266.699	45.370.862.980
Các khoản điều chỉnh tăng	2.429.443.372	4.588.219
- Chi phí không hợp lệ	471.411.545	4.588.219
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ trước thực hiện kỳ này	1.958.031.827	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(31.702.860.617)	(8.603.577.884)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(31.478.411.192)	(6.856.050.736)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(224.449.425)	(1.577.327.766)
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ trước thực hiện kỳ này	-	(170.199.382)
Thu nhập chịu thuế TNDN	53.485.849.454	36.771.873.315
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	10.697.169.891	7.354.374.663
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	356.710.102	-
Trong đó, các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này:	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	5.401.155.690	6.441.566.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(7.856.509.215)	(9.540.209.886)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	8.598.526.468	4.255.731.240

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	321.684.867	537.401.813
Chi phí nhân công	33.500.850.443	29.578.004.071
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.236.758.308	7.690.418.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.362.618.851	413.364.555.002
Chi phí khác bằng tiền	2.870.903.072	2.752.079.538
	472.292.815.541	453.922.458.642

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAPISố 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu, trái phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Đầu tư ngắn hạn	5.294.206.622	-	-	5.294.206.622
Đầu tư dài hạn	-	1.365.000.000	-	1.365.000.000
	<u>5.294.206.622</u>	<u>1.365.000.000</u>	<u>-</u>	<u>6.659.206.622</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư ngắn hạn	31.980.952.073	-	-	31.980.952.073
Đầu tư dài hạn	-	1.680.000.000	-	1.680.000.000
	<u>31.980.952.073</u>	<u>1.680.000.000</u>	<u>-</u>	<u>33.660.952.073</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.124.334.728	-	-	144.124.334.728
Phải thu khách hàng, phải thu khác	173.972.897.500	6.462.473.600	-	180.435.371.100
Các khoản cho vay	23.742.590.248	-	-	23.742.590.248
	<u>341.839.822.476</u>	<u>6.462.473.600</u>	<u>-</u>	<u>348.302.296.076</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	221.810.314.622	-	-	221.810.314.622
Phải thu khách hàng, phải thu khác	178.203.761.915	1.462.473.600	-	179.666.235.515
Các khoản cho vay	23.178.742.050	-	-	23.178.742.050
	<u>423.192.818.587</u>	<u>1.462.473.600</u>	<u>-</u>	<u>424.655.292.187</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	118.736.220.917	91.160.000	-	118.827.380.917
	<u>118.736.220.917</u>	<u>91.160.000</u>	<u>-</u>	<u>118.827.380.917</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	142.032.131.321	91.160.000	-	142.123.291.321
	<u>142.032.131.321</u>	<u>91.160.000</u>	<u>-</u>	<u>142.123.291.321</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Thực hiện Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-NQ/ĐHĐCĐ/SAFI-2025 ngày 07/03/2025 của Công ty Cổ phần Đại lý vận tải SAFI, Công ty đã phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (ESOP năm 2024). Cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI;
- Mã chứng khoán: SFI;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Nguyên tắc xác định giá bán: 10.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/SAFI-2024 ngày 22/03/2024 của Công ty;
- Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối: Cán bộ công nhân viên đang giữ chức danh quản lý, nhân viên xuất sắc và người lao động có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty;
- Mục đích phát hành: Ghi nhận và khen thưởng xứng đáng cho người lao động trong công ty khi có thành tích xuất sắc; Khuyến khích sự gắn bó, nâng cao quyền lợi và tinh thần trách nhiệm của người lao động đối với Công ty;
- Hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng 100% số cổ phần được mua trong vòng hai (02) năm kể từ lúc kết thúc phát hành. Hết thời gian này, toàn bộ số cổ phần mua sẽ được tự do chuyển nhượng;
- Kế hoạch sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động Công ty;
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 08/07/2025;
- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 1.155.000 cổ phiếu;
- Số người lao động được phân phối: 14 người;
- Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 08/07/2025): 26.042.046 cổ phiếu, trong đó:
 - + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 24.312.034 cổ phiếu.
 - + Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.730.012 cổ phiếu.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu và các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	283.466.645.266	228.399.199.452	3.102.339.552	514.968.184.270
Chi phí bộ phận trực tiếp	228.173.844.779	198.654.860.853	1.048.083.256	427.876.788.888
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	55.292.800.487	29.744.338.599	2.054.256.296	87.091.395.382
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-
Tài sản bộ phận trực tiếp	359.832.833.603	289.930.164.638	3.938.112.827	653.701.111.068
Tài sản không phân bổ				245.829.721.848
Tổng tài sản	359.832.833.603	289.930.164.638	3.938.112.827	899.530.832.916

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu và các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	68.182.896.346	59.362.035.115	313.188.184	127.858.119.645
Nợ phải trả không phân bổ				10.633.829.967
Tổng nợ phải trả	68.182.896.346	59.362.035.115	313.188.184	138.491.949.612

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.


Nguyễn Thị Duyên Thắm
Người lập

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2025


Đặng Thị Thúy Hằng
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

